TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HẢI CHÂU
TP. ĐÀ NẴNG

Bản án số: 34/2018/*HNGĐ -ST*
Ngày: 11 - 5 - 2018
"V/v Ly hôn mất tích, nuôi con chung"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Thu Ba**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Huỳnh Thanh Trà**
2. Ông **Huỳnh Tiễn**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Linh Phương**– Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng *tham gia phiên toà:* Bà **Nguyễn Thị Ly Na** - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng – Số 24 đường Hoàng Văn Thụ, phường Phước Ninh quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 328/2017/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2017 về việc "Ly hôn mất tích, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2018/QĐXX-ST ngày 19 tháng 03 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên toà số: 20/2018/QĐXX-ST ngày 12 tháng 04 năm 2018 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông **Võ Như N** – Sinh năm 1982 – Địa chỉ: Số 672/20 đường T, tổ 12 phường X, quận T, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

* Bị đơn: Bà **Trần Vũ Thuý A** – Sinh năm 1988 – Địa chỉ: Số 56 đường T, phường HI, quận H, thành phố Đà Nẵng. Đã bị tuyên bố mất tích.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/12/2017, bản khai và trong quá trình hòa giải và tại phiên toà, nguyên đơn ông Võ Như N trình bày:

* *Về quan hệ hôn nhân:* Tôi và bà Trần Vũ Thuý A đăng ký kết hôn vào ngày 10/02/2012 tại Ủy ban Nhân dân H I, quận H, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân

trên cơ sở tự nguyện. Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng chúng tôi chung sống tại số 40 đường N, Đà Nẵng đến năm 2014.

Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình và quan điểm sống của hai vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cải vã, vợ tôi bỏ nhà đi đâu từ năm 2014 tôi không biết, tôi đã tìm kiếm khắp nơi vẫn không biết được vợ tôi còn sống hay đã chết, đến năm 2017 tôi đề nghị Toà án tuyên bố vợ tôi mất tích, đến nay tôi vẫn không có tin tức gì về vợ tôi. Để ổn định cuộc sống và thực tế tôi không còn tình cảm gì với vợ, mục đích hôn nhân không đạt được, nên tôi đề nghị Toà án giải quyết cho tôi ly hôn với vợ tôi.

***** *Về con chung:* Vợ chồng chúng tôi có 02 con chung tên là Võ Thiện N – Sinh ngày 07/5/2012 và Võ Ngọc Bảo T – Sinh ngày: 05/2/2014.

Ly hôn, tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung cho đến tuổi thành niên vì hiện nay vợ tôi đã mất tích.

***** *Về tài sản chung:* Vợ chồng chúng tôi không có tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

** Về nợ chung:* Vợ chồng chúng tôi không nợ ai và không ai nợ chúng tôi, nên không đề cập giải quyết.

Ngày 10/11/2017 Toà án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng ra quyết định số 22/2017/QĐDS – ST tuyên bố bà Trần Vũ Thuý A – Sinh năm: 1988 – Trú tại: Số 56 đường T, phường H I, quận H, thành phố Đà Nẵng, nơi cư trú cuối cùng: Tổ 30 Tân L 2D, phường T , quận H, thành phố Đà Nẵng đã mất tích.

Trong quá trình tố tụng tại Toà án, Toà án nhân dân quận Hải Châu đã nhiều lần niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Toà án cho bà Trần Vũ Thuý A nhưng vẫn không có tin tức gì cũng như không có văn bản nào phản hồi của bà A, do vậy Toà án không thể tiến hành hoà giải cho các bên được.

Tại phiên toà lần thứ hai bà A vẫn không có mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[I] Về tố tụng:

Tòa án đã niêm yết hợp lệ giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên toà cho bà Trần Vũ Thuý A, nhưng vẫn không có tin tức gì của bà An. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Trần Vũ Thuý A.

[II] *Về nội dung*

[1] Về Quan hệ hôn nhân: Ông Võ Như N và bà Trần Vũ Thuý A có đăng ký kết hôn vào ngày 10/2/2012 tại Ủy ban Nhân dân phường H I, quận H, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện do vậy đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của ông N đối với bà An, HĐXX thấy sau khi kết hôn ông bà sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng tình cảm vợ chồng và kinh tế gia đình, đến năm 2014 bà A bỏ nhà đi biệt tích, ông N đã nhiều lần tìm kiếm vẫn không có kết quả, Toà án nhân dân quận Hải Châu đã ra quyết định tuyên bố bà Trần Vũ Thuý A mất tích, đến nay vẫn không có tin tức gì của bà A

Qua xác minh tại địa phương thì mâu thuẫn của ông N và bà A địa phương không nắm được

Thực tế cuộc sống chung giữa ông N và bà A không tồn tại, tình cảm vợ chồng không còn, ông Võ Như N không còn yêu thương gì bà A, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy HĐXX thấy chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Võ Như N đối với bà Trần Vũ Thuý A là có cơ sở phù hợp với các quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2]. Quan hệ con chung: Ông Võ Như N và bà Trần Vũ Thuý A có hai con chung tên là Võ Thiện N – Sinh ngày 07/5/2012 và Võ Ngọc Bảo T – Sinh ngày: 05/2/2014. Ông N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung cho đến tuổi thành niên.

Xét yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung của ông N, thì thấy hiện nay bà A đã mất tích, các con chung hiện đang ở ổn định với ông N, nhằm đảm bảo quyền lợi của các con việc giao hai con chung cho ông Võ Như N được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên là có cơ sở phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Quan hệ tài sản chung: Vợ chồng ông Núi và bà An không có tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Vợ chồng ông N và bà A không nợ ai và không ai nợ ông bà nên không đề cập giải quyết.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Theo Điều 26 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông Võ Như N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX: Từ khi thụ lý đến tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, HĐXX đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

- Về quyền và nghĩa vụ của các đương sự đã được đảm bảo theo đúng các quy định của luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam

Đề nghị HĐXX giải quyết theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn của ông Võ Như N đối với bà Trần Vũ Thuý A.

Xử cho ông Võ Như N được ly hôn với bà Trần Vũ Thuý A

- Về quan hệ con chung: Giao hai con chung tên là Võ Thiện N – Sinh ngày 07/5/2012 và Võ Ngọc Bảo T – Sinh ngày: 05/2/2014 cho ông Võ Như N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên.

Quan hệ tài sản chung: Vợ chồng ông N và bà A không có tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng ông N và bà A không nợ ai và không ai nợ vợ chồng, nên không đề cập giải quyết.

Như đã phân tích thì HĐXX chấp nhận lời đề nghị của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 56, 58, 59, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 68 Bộ luật dân sự năm 2015

- Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn, nuôi con chung " của ông Võ Như N đối với bà Trần Vũ Thuý A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử ông Võ Như N được ly hôn với bà Trần Vũ Thuý A.

***2. Quan hệ con chung*:** Xử Giao hai con chung tên là Võ Thiện N – Sinh ngày 07/5/2012 và Võ Ngọc Bảo T – Sinh ngày: 05/2/2014 cho ông Võ Như N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên.

***3.Quan hệ tài sản chung**:* Vợ chồng ông Võ Như N và bà Trần Vũ Thuý A không có tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

***4. Về nợ chung**:* Vợ chồng ông Võ Như N và bà Trần Vũ Thuý A không nợ ai và không ai nợ vợ chồng ông bà nên không đề cập giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông Võ Như N phải chịu là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng). Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ đã

nộp theo biên lai thu số 001162 ngày 20/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trọng hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trọng hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Lê Thị Thu Ba

Nơi nhận
- Các đương sự
- Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu,tp Đà Nẵng
- Ủy ban nhân dân phường H I Quận H, thành phố Đà Nẵng
- Lưu hồ sơ vụ án